

Phụ lục số II

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN BASA

Năm báo cáo: 2012

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần BASA
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800465461 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Cần Thơ cấp đăng ký lần 2 vào ngày 12/05/2009.
- Vốn điều lệ: 96.000.000.000 đồng (Bằng chữ: chín mươi sáu tỉ đồng)
- Địa chỉ: 861 Quốc Lộ 91, P.Thới Thuận, Q.Thốt Nốt, TP.Cần Thơ
- Số điện thoại: 07103.649300
- Số fax: 07103.649400
- Website: www.basaco.com.vn

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Quá trình hình thành và phát triển:

Việc thành lập : Công ty Cổ Phần BASA tiền thân là Công ty TNHH SX-TM BASA, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là chế biến và kinh doanh thực phẩm nông sản, hải sản, đại lý ký gửi hàng hóa, sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi thủy hải sản.

Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần từ tháng 4/2007 Công ty chính thức chuyển đổi hình thức hoạt động sang Công ty Cổ Phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800465461 do Sở Kế Hoạch- Đầu tư Thành Phố Cần Thơ cấp đăng ký lần 2 vào ngày 12/05/2009.

Công ty Cổ Phần BASA chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM ngày 11/11/2008.

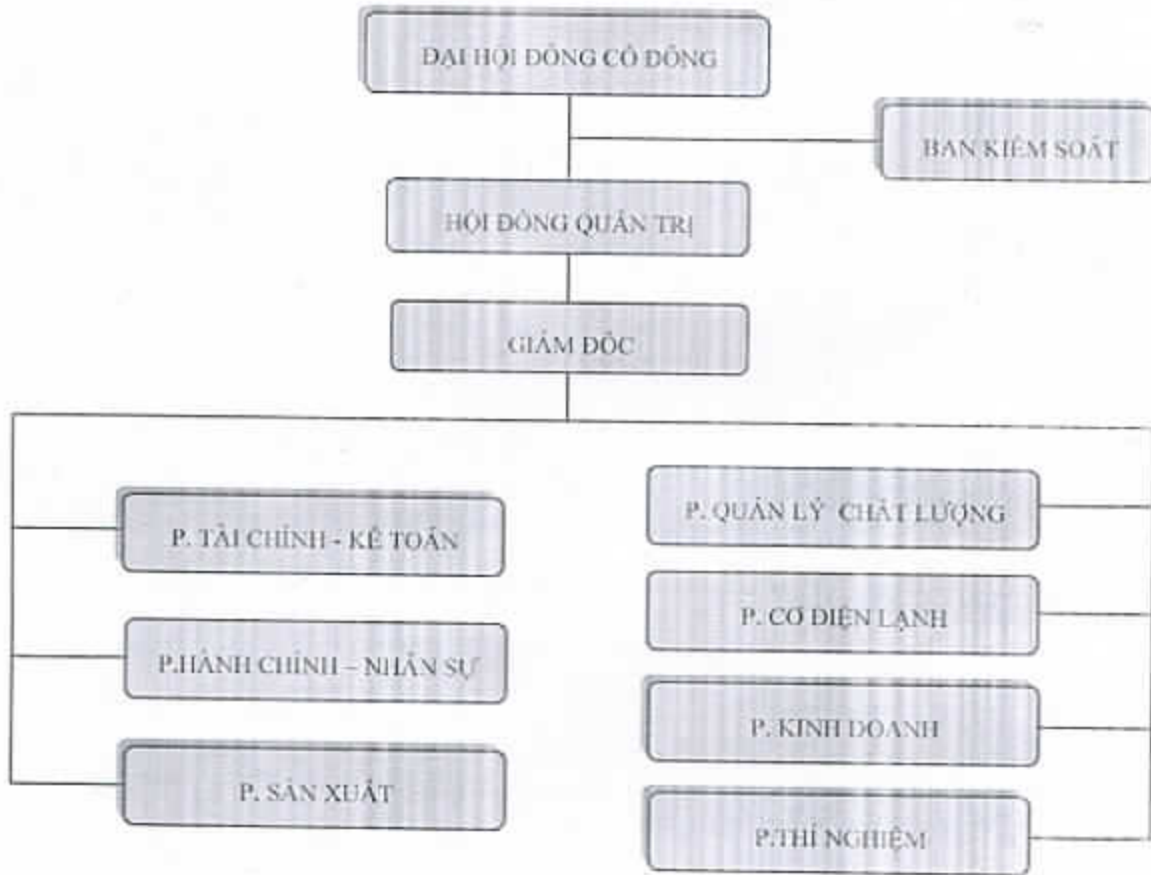
Ngày 03/05/2012 Công ty Cổ Phần BASA bị hủy niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh: chế biến và kinh doanh thực phẩm nông sản, hải sản, đại lý ký gửi hàng hóa, sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi thủy hải sản

- Địa bàn kinh doanh: hoạt động kinh doanh chủ yếu là sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm đông lạnh từ cá rô phi, cá chêm, cá Tra...Thị trường xuất khẩu chính: EU, Trung Đông, Úc, Đông Nam Á (Singapore, Indonesia, Malaysia, Thailand...)

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Mô hình quản trị: Bao gồm 1 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và 04 thành viên Hội Đồng Quản trị.
  - Cơ cấu bộ máy quản lý.



5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: đa dạng hóa mặt hàng và thị trường xuất khẩu để phát triển bền vững.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - + Đa dạng hóa sản phẩm: từ cá Tra, cá chẻm, cá rô phi, điêu hồng, tôm, cá biển, sò điệp đông lạnh, trong đó cá rô phi sẽ là sản phẩm xuất khẩu chủ lực của công ty trong các năm tới.
  - + Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu: ngoài các thị trường xuất khẩu truyền thống EU, Trung Đông, Đông Nam Á, Australia, công ty tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu mới Mỹ, Nam Mỹ và Bắc Phi.
  - + Đa dạng hóa hình thức kinh doanh:
    - Sản xuất, xuất khẩu mặt hàng chủ lực cá rô phi đông lạnh, bên cạnh đó duy trì chế biến xuất khẩu cá chẻm đông lạnh.
    - Gia công nội địa: gia công cho các đối tác trong nước các mặt hàng cá Tra, rô phi, điêu hồng, cá chẻm, tôm...
    - Gia công cho công ty nước ngoài: gia công mặt hàng tôm, cá biển, sò điệp và các sản phẩm thủy hải sản khác.

- Phát triển dịch vụ cho thuê kho lạnh.
- 6. **Các rủi ro:** (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty).
  - + Tỷ giá hối đoái: trong năm 2012, tỷ giá hối đoái ổn định, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - + Thị trường xuất khẩu: khủng hoảng nợ công EU và suy giảm kinh tế Mỹ chưa phục hồi ổn định làm giảm khả năng tiêu thụ thủy hải sản ở các thị trường này.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: tính đến 31/12/2012, Công ty lỗ 21.433.241.974 (Hai mươi một tỷ bốn trăm ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi một ngàn chín trăm bảy mươi bốn đồng).

Do thiếu vốn hoạt động nên công ty chủ yếu tiêu thụ hàng tồn kho và gia công các mặt hàng cá Tra, cá rô phi, cá điêu hồng đông lạnh... cho các đối tác trong nước để duy trì bộ máy sản xuất.

Doanh thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh:

- + Xuất khẩu và tiêu thụ nội địa cá Tra: 2,106 tỷ đồng.
- + Xuất khẩu cá chẻm: 4,871 tỷ đồng.
- + Gia công cá Tra: 1,174 tỷ đồng
- + Gia công cá rô phi, điêu hồng, bạc má: 2,708 tỷ đồng.
- + Gia công sò điệp cho đối tác nước ngoài: 33 triệu đồng.
- + Cho thuê kho lạnh: 95 triệu đồng.

### 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Kế hoạch 2012 (ĐHCĐ thường niên)	Thực hiện so với KH 2012	Tỷ lệ
1	Doanh thu	Tỷ đồng	20,8	50	10,5	21%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-22,29	-10	- 21,43	--

### DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Võ Tấn Minh – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Giám Đốc			
Giới tính	Nam	Quê quán	Đức phở , Quảng Ngãi
Ngày tháng năm sinh	15/10/1960	Địa chỉ thường trú	108 đường 3 tháng 2, Ninh Kiều , Cần Thơ.
Nơi sinh	Trà Vinh	Điện thoại cơ quan	07103. 854299
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học



## Quá trình công tác:

- 1982 – 1985: Cán bộ giảng dạy Khoa Chế biến Đại Học Cần Thơ
- 1985 – 1988: Cán bộ kỹ thuật Ban khoa học kỹ thuật TP. Cần Thơ
- 1988 – 1995: Phó giám đốc Công ty Bia nước giải khát Cần Thơ
- 1996 – 1998: Cán bộ kỹ thuật Công ty Bia nước giải khát Phong Dinh
- 1999 – 2000: Giám đốc Công ty Sấy Thăng Hoa – TP. Hồ Chí Minh
- 2001 – 2004: Giám đốc Công ty Bia nước giải khát Phong Dinh
- 2005 – 2010 : Giám đốc Công ty TNHH Basa (nay là Công ty cổ phần BASA)
- 05/2010 đến 05/2011 : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần BASA.
- 06/2011 đến nay: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Giám Đốc Công ty Cổ Phần Basa .

**Ông Hoàng Đức Tri – Phó Giám Đốc Công ty**

Giới tính	Nam	Quê quán	Trà Vinh
Ngày tháng năm sinh	25/01/1977	Địa chỉ thường trú	51 Lê Lợi K4- F4 TXTV- Trà Vinh
Nơi sinh	Trà Vinh	Điện thoại cơ quan	07103. 6649300
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học Ngoại thương.

## Quá trình công tác:

- Tháng 08/2003 – 11-2003 : Nhân viên xuất nhập khẩu tập sự tại Cty xuất nhập khẩu Intimex
- Tháng 01/2005 – 12/2006: Cán bộ thu mua vật tư Công ty TNHH Sấy Thăng Hoa
- Tháng 01/2007 – 09/2008: Cán bộ Phòng kinh doanh Công ty Cổ Phần BASA
- 10/2008 – 04/2010 : Phó Giám Đốc Kinh Doanh Công ty Cổ Phần BASA.
- 05/2010 đến 05/2011 : Giám Đốc Công ty Cổ Phần BASA.
- 06/2011 đến nay : Phó Giám Đốc Cty Cổ Phần BASA.

Tỉ lệ cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Chiếm tỷ lệ
Võ Tấn Minh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc	3.498.000	36,44%

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không.
- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

**Chính sách tuyển dụng:** Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng về chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm đảm bảo cho sự phát triển của Công ty. Tùy theo yêu cầu công việc của từng phòng ban, bộ phận mà Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng cụ thể đáp ứng yêu cầu chung là trình độ chuyên môn, tay nghề cao, nhiệt tình và năng động. Việc đào tạo cho công nhân sản xuất cũng như bộ phận quản lý, văn phòng được Công ty rất chú trọng. Đối với công nhân sản xuất, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân. Đối với các cán bộ quản lý và cán bộ văn phòng Công ty được tạo điều kiện học các khóa đào tạo chuyên ngành về quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy... tại Cần Thơ và TP.HCM. Ngoài ra toàn thể công nhân viên của Công ty thường xuyên được tham gia các khóa đào tạo về tiêu chuẩn HACCP, quản lý hệ thống chất lượng...

+ Đối với người lao động điều kiện làm việc: Văn phòng và nhà xưởng được xây dựng tương đối khang trang, rộng và thoáng, đáp ứng được các yêu cầu quản lý sản xuất, do Công ty sản xuất sản phẩm đông lạnh, người lao động thường xuyên tiếp xúc với môi trường không khí lạnh, nên Công ty trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ lao động cho Công nhân. Đối với công nhân kỹ thuật, bảo trì, cơ khí, điện được trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ lao động và các dụng cụ sử dụng an toàn về điện. Bên cạnh đó, các quy định về phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh lao động được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt.

+ Chính sách lương: Lương của công nhân trực tiếp sản xuất bao gồm lương căn bản và lương dựa trên lượng sản phẩm, ngoài ra công nhân còn nhận khoản phụ cấp khác tùy theo tính chất công việc.

+ Chính sách khen thưởng: Công ty áp dụng chế độ khen thưởng khi người lao động hoàn thành công việc với tinh thần trách nhiệm cao, đạt năng suất...

+ Chế độ phúc lợi đối với tất cả cán bộ công nhân viên được Công ty cung cấp 02 suất ăn miễn phí, nhà ăn Công ty được chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm. Bên cạnh đó còn được hưởng các chế độ y tế, bảo hiểm xã hội theo luật định. Hiện tại Công ty có trang bị khu nhà ở tập thể miễn phí cho cán bộ, công nhân nằm trong khuôn viên Công ty nhằm giúp cán bộ, công nhân viên tiết kiệm chi phí nhà ở, đồng thời đảm bảo an toàn và giờ giấc làm việc.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: không
- b) Các công ty con, công ty liên kết: không

## 4. Tình hình tài chính

## a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	142.801.103.626	136.006.750.728	0.95
Doanh thu thuần	19.693.895.967	10.570.855.454	0.53
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	( 22.295.492.061)	(21.433.241.974)	0.96
Lợi nhuận khác	867.495.693	14.348.247	0.016

## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0.24	0.15	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0.074	0.047	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.49	0.74	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.25	2.89	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1.98	1.07	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.13	0.07	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-1.13	-2.02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.39	0.61	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.15	0.15	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần...	0.18	0.14	



### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Tổng số cổ phiếu : 9.600.000 cổ phiếu.  
Loại cổ phiếu : cổ phiếu phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán (thực hiện quyền bỏ phiếu) số 550/2012-Bas/VSD- ĐK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam lập ngày 16/05/2012.

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Chiếm tỷ lệ (%)
Cổ đông tổ chức trong nước	01	478.360	4,983
Cổ đông cá nhân trong nước	1.509	9.118.310	94,982
Cổ đông nước ngoài	06	3.330	0,035
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.516</b>	<b>9.600.000</b>	<b>100</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Trong năm 2012, do bị thắt chặt nguồn tín dụng nên công ty thiếu vốn hoạt động, chủ yếu là gia công các mặt hàng thủy sản đông lạnh cho các đối tác trong nước như: cá Tra phi lê và nguyên con, cá Tra xẻ bướm, cá rô phi fillet, cá điêu hồng, cá biển nguyên con đông lạnh... Doanh thu từ hoạt động gia công chỉ bù đắp được phần nào chi phí duy trì bộ máy sản xuất, chi phí điện hàng tháng.

+ Thiếu vốn hoạt động các kế hoạch sản xuất tôm đông lạnh và đồ hộp thủy hải sản do Ngân hàng không cấp tín dụng vì Công ty bị thua lỗ.

+ Dù đã nỗ lực rất nhiều nhưng do tình hình khủng hoảng chung của các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam nên đến nay Ban Lãnh Đạo Công ty vẫn chưa thanh lý các tài sản chưa sử dụng hoặc hiện không sử dụng, tài sản máy móc thiết bị của nhà máy đông lạnh 2 và nhà máy thức ăn, bán nhà máy Basa 2 với giá tối thiểu 36 tỷ đồng theo nghị quyết đại hội cổ đông để có nguồn tài chính phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

Giám Đốc Công ty nhận trách nhiệm trong việc không hoàn thành các mục tiêu của Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2012 để ra.

#### \* Những tiến bộ công ty đã đạt được .

- Tháng 07/2010: Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản (Nafiqad) cấp phép sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm tôm đông lạnh.

- Tháng 01/2012: Nafiqad cấp phép sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm cá rô phi và điêu hồng đông lạnh.

- Tháng 10/2012: công ty được Nafiqad cấp phép sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm cá biển đông lạnh.

- Tháng 12/2012: Nafiqad cấp phép sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm sò điệp đông lạnh

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản.

Tình hình tài sản công ty trong năm 2012 không có nhiều biến động.

### b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại của công ty chỉ xoay quanh các đối tượng cung cấp vật tư, bao bì để phục vụ trong việc sản xuất không có sự biến động lớn về các khoản nợ phải trả hiện nay. Công ty Cổ phần Basa nợ của Công ty TNHH Thực Phẩm Phong Đình, Ông Võ Tấn Minh, ngân hàng HSBC.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cơ cấu lại bộ máy nhân sự sản xuất và quản lý gọn nhẹ phù hợp với quy mô sản xuất nhỏ như hiện nay.

- Rà soát, cắt giảm các chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí trong sản xuất giúp doanh nghiệp tiết kiệm hợp lý trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Phát triển sản xuất cá rô phi đông lạnh trở thành mặt hàng xuất khẩu và tiêu thụ nội địa bao gồm gia công.

- Liên kết công ty nước ngoài nhập khẩu tôm và sò điệp để gia công và tái xuất khẩu.

- Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm cá chẻm đông lạnh.

- Xúc tiến xuất khẩu các sản phẩm cá biển đông lạnh.

- Công ty phải duy trì sản xuất trong thời gian chờ đợi làm các thủ tục bán toàn bộ tài sản Công ty cổ phần BASA vì như thế sẽ có giá tốt hơn khi công ty ngừng hoạt động.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Kinh doanh: bước đầu thực hiện đúng định hướng sản xuất kinh doanh của công ty là đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu và hình thức kinh doanh. Tuy nhiên doanh thu còn thấp, chỉ đạt 21% so với kế hoạch đã đề ra. Công ty mới thực hiện gia công mặt hàng cá rô phi nhưng chưa đáp ứng kế hoạch xuất khẩu trực tiếp cá rô phi như là mặt hàng xuất khẩu chủ lực.

- Tài chính: do công ty lỡ liên tiếp từ 2010 – 2011 nên ngân hàng không cho vay, chủ yếu hoạt động dựa trên nguồn vốn vay của cá nhân ông Võ Tấn Minh – chủ tịch HĐQT và Công ty TNHH Thực Phẩm Phong Đình là một công ty khác của ông Võ Tấn Minh. Hạn chế về nguồn vốn khiến nhiều kế hoạch sản xuất kinh doanh như sản xuất tôm đông lạnh và đồ hộp thủy hải sản không thực hiện được, chủ yếu là gia công cho các đối tác trong và ngoài nước.

- Nhân sự: đội ngũ quản lý và số công nhân có nhiều biến động do có những thời điểm công ty sản xuất gián đoạn. Do vậy công ty đã linh hoạt sử dụng kết hợp lực lượng công nhân sẵn có và lực lượng lao động công nhật để hoàn thành tốt thời hạn giao hàng cho các khách hàng, đối tác.



## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Mặc dù tình hình kinh tế vĩ mô gặp nhiều bất lợi, thị trường xuất khẩu bị ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng nợ công EU, suy giảm kinh tế Mỹ, Ban Giám Đốc công ty đã có nhiều nỗ lực thực hiện đúng chiến lược kinh doanh mà Đại Hội Cổ Đông và HĐQT đưa ra là đa dạng hóa sản phẩm (cá rô phi, điều hồng, sò điệp...) và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu (Brazil, Iran...), đa dạng hóa hình thức kinh doanh (sản xuất xuất khẩu kết hợp với gia công nội địa và cho công ty nước ngoài). Dù vậy doanh thu còn rất thấp, hiệu quả chưa cao.

- Tình hình nhân sự tại công ty còn đang trống cả vị trí then chốt nên trong quá trình sản xuất kinh doanh còn nhiều tồn tại phải được khắc phục.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tập trung chỉ đạo Ban Giám Đốc đẩy mạnh việc đa dạng hóa sản phẩm, thị trường xuất khẩu, hình thức kinh doanh, tăng doanh thu. Đặc biệt phát triển cá rô phi trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực thay cho cá Tra.

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000, BRC, HALAL, giữ uy tín chất lượng sản phẩm của thương hiệu Basaco trên thị trường quốc tế

- Với tình hình kinh tế của Việt Nam, tình hình tài chính của Công ty do ngân hàng không cho vay vốn nên Công ty phải duy trì hoạt động để chờ đợi làm các thủ tục bán toàn bộ tài sản Công ty Cổ phần BASA sẽ có giá tốt hơn khi công ty ngưng hoạt động.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội Đồng Quản Trị (HĐQT)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Chiếm tỷ lệ (%)
01	Võ Tấn Minh	Chủ tịch HĐQT	3.498.000	36,44
02	Nguyễn Sang Ba	Thành viên HĐQT	456.000	4,75
03	Thái Hồng Phước	Thành viên HĐQT	456.000	4,75
04	Võ Đình Duy	Thành viên HĐQT	456.000	4,75
05	Hoàng Đức Trí	Thành viên HĐQT	0	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: trong năm 2012 Hội đồng quản trị đã tiến hành 05 cuộc họp vào các ngày 21/02/2012, 23/03/2012, 20/04/2012, 15/09/2012 và ngày 20/12/2012.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không.

## 2. Ban Kiểm soát

## a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách thành viên Ban kiểm soát (BKS)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Chiếm tỷ lệ (%)
01	Hồ Việt Quà	Trưởng BKS	0	0
02	Đông Tấn Tài	Thành viên BKS	0	0
03	Bùi Thị Nga	Thành viên BKS	0	0

## b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2012 như sau:

- Định kỳ hàng quý Ban kiểm soát tiến hành các cuộc họp để theo dõi tình hình hoạt động của công ty vào các ngày 10/04/2012, 10/07/2012, 10/10/2012 và ngày 10/01/2013.

- Thực hiện soát xét báo cáo tài chính thường xuyên về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.

- Ban kiểm soát thường xuyên tham gia tư vấn hỗ trợ một số nghiệp vụ trong công tác quản lý của công ty.

- Các thành viên kiểm soát dự các phiên họp của Hội Đồng quản trị liên quan đến chiến lược phát triển và kinh doanh của công ty.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

## a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

▪ Tổng mức thù lao cho Hội Đồng quản trị (5 người) năm 2012 : 0 đồng/năm

▪ Tổng mức thù lao cho Ban Kiểm Soát (3 người) năm 2012 : 96 triệu/năm

Trong đó :

Trưởng Ban Kiểm Soát: 36 triệu/năm

Các thành viên Ban kiểm soát: 30 triệu/năm

## b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không.

## c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện các nghĩa vụ quản trị và đồng thời báo cáo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (báo cáo 06 tháng và báo cáo năm) theo mẫu ban hành kèm theo thông tư số 52/2012/TT/BTC ngày 05/04/2012.

#### IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán. (Bao gồm Bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính đã được kiểm toán).



Số: <sup>CH</sup>.../2013/BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN***Về Báo cáo Tài chính năm 2012  
của Công Ty Cổ Phần Ba Sa***Kính gửi:**

- **Cổ đông Công Ty Cổ Phần Ba Sa**
- **Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Ba Sa**
- **Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Ba Sa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công Ty Cổ Phần Ba Sa được lập ngày 28/02/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 7 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Hạn chế của phạm vi kiểm toán**

Ngoài hạn chế theo Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2010 do Công ty ngưng sản xuất trong quý I/2010 và sản xuất với sản lượng rất thấp trong quý II/2010 nên Công ty không thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định với số tiền là 2.274.556.290 VND; Ngoài ra, trong năm 2010, Công ty vẫn tiến hành phân bổ chi phí lãi vay vào giá trị các công trình đã ngừng xây dựng với số tiền là 1.036.595.236 VND.

Số dư cuối kỳ tại ngày 31/12/2012 của khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" bao gồm nhiều hạng mục công trình đã ngừng xây dựng, tồn tại từ nhiều năm trước. Đến thời điểm kiểm toán, Công ty chưa có cơ sở đáng tin cậy để đánh giá tình trạng thực tế của các hạng mục công trình trên, dẫn đến giá trị của các hạng mục công trình ghi nhận trên sổ sách cũng không phản ánh chính xác tình trạng thực tế.

Ngoài ra chúng tôi cũng xin lưu ý đến người đọc về tình hoạt động liên tục của Công ty. Tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, số lỗ lũy kế của Công ty là (61.549.099.939) đồng, vốn góp của Công ty là 96.000.000.000 đồng và toàn bộ tài sản cố định hữu hình và vô hình được thế chấp để vay vốn hoạt động là các dấu hiệu về mặt tài chính có thể gây ảnh hưởng đến giả định hoạt động liên tục của Công ty. Phương hướng hoạt động, phát triển của Công ty năm 2013 và những năm tiếp theo sẽ được đưa ra trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sắp tới của Công ty.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Ba Sa tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2013

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính



**Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ.0064/KTV

Kiểm toán viên

**Dương Thị Quỳnh Hoa**

Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV

111 P 36 1111



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2012	01/01/2012
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>16.039.929.406</b>	<b>17.042.088.384</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>97.248.486</b>	<b>112.253.133</b>
1. Tiền	111		97.248.486	112.253.133
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>4.607.295.018</b>	<b>5.109.055.934</b>
1. Phải thu khách hàng	131		3.782.574.257	3.768.707.151
2. Trả trước cho người bán	132		3.295.014.000	3.325.014.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	2	2.293.000	2.585.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2.472.586.239)	(1.987.250.217)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>3</b>	<b>11.208.688.907</b>	<b>11.759.607.051</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.284.687.334	12.667.808.193
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(75.998.427)	(908.201.142)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>126.696.995</b>	<b>61.172.266</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.755.450	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.609.637
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	4	49.441.545	49.441.545
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		23.500.000	9.121.084
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>119.966.821.322</b>	<b>125.759.015.242</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2012	01/01/2012
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>114.697.084.032</b>	<b>119.002.435.949</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	30.185.726.874	34.153.029.558
- Nguyên giá	222		52.927.434.054	52.927.434.054
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(22.741.707.180)	(18.774.404.496)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	6	33.356.312.883	33.809.000.712
- Nguyên giá	228		35.695.200.000	35.695.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.338.887.117)	(1.886.199.288)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	51.155.044.275	51.040.405.679
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.269.737.290</b>	<b>6.756.579.293</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	5.269.737.290	6.756.579.293
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>136.006.750.728</b>	<b>142.801.103.626</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2012	01/01/2012
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>101.089.682.198</b>	<b>86.318.722.048</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>101.089.299.524</b>	<b>70.715.528.830</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	89.848.201.000	52.357.200.000
2. Phải trả người bán	312		2.964.388.611	1.990.097.858
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	165.257.052	43.200
5. Phải trả công nhân viên	315		279.454.608	177.245.916
6. Chi phí phải trả	316	11	7.396.777.285	1.098.463.944
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	425.684.523	15.091.096.654
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	15.5	9.536.445	1.381.258
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>382.674</b>	<b>15.603.193.218</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	13	-	15.582.180.968
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	382.674	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	21.012.250
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>15</b>	<b>34.917.068.530</b>	<b>56.482.381.578</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>34.917.068.530</b>	<b>56.482.381.578</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	96.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	132.071.074
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		311.916.601	311.916.601
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		154.251.868	154.251.868

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2012	01/01/2012
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(61.549.099.939)	(40.115.857.965)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>136.006.750.728</b>	<b>142.801.103.626</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			243.721.164	1.383.946.100
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
- USD			952,74	544,96
- EUR			329,48	1.229,31
- AUD			517,22	1.619,18
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Hiền

Kế toán trưởng

Lê Thị Kim Loan

Giám đốc  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
BA SA  
Vô Tấn Minh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	10.570.855.454	19.693.895.967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		9.011.037	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.561.844.417	19.693.895.967
4. Giá vốn hàng bán	17	12.064.092.709	23.390.079.213
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.502.248.292)	(3.696.183.246)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	8.699.806	198.065.310
7. Chi phí tài chính	18	11.430.733.835	10.818.327.842
+ Trong đó: chi phí lãi vay		11.429.997.965	10.810.383.077
8. Chi phí bán hàng		578.694.655	1.136.817.879
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7.944.230.571	7.709.724.097
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(21.447.207.547)	(23.162.987.754)
11. Thu nhập khác		21.512.698	897.151.110
12. Chi phí khác		7.164.451	29.655.417
13. Lợi nhuận khác		14.348.247	867.495.693
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(21.432.859.300)	(22.295.492.061)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	20	382.674	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(21.433.241.974)	(22.295.492.061)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Hiền

Kế toán trưởng

Lê Thị Kim Loan

Giám đốc

Võ Tấn Minh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế		(21.432.859.300)	(22.295.492.061)
2. Điều chỉnh cho các khoản		15.500.774.049	16.861.421.148
- Khấu hao tài sản cố định		4.419.990.513	4.445.835.454
- Các khoản dự phòng		(346.866.693)	1.605.202.617
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(1.530.694)	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(817.042)	-
- Chi phí lãi vay		11.429.997.965	10.810.383.077
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.932.085.251)	(5.434.070.913)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		7.662.178	1.980.156.419
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(1.383.120.859)	7.400.905.629
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(22.617.553.033)	10.701.942.299
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		1.433.086.553	667.527.216
- Tiền lãi vay đã trả		(8.860.418.027)	(10.810.383.077)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(49.441.545)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.263.000	2.461.258
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.107.813)	(1.036.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(37.393.714.797)</b>	<b>4.507.502.031</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(114.638.586)	(2.011.237.886)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		817.042	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(113.821.544)</b>	<b>(2.011.237.886)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	
	Năm 2012	Năm 2011
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	124.581.001.000	227.845.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(87.090.000.000)	(231.405.559.747)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>37.491.001.000</b>	<b>(3.560.559.747)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(16.535.341)</b>	<b>(1.064.295.602)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>112.253.133</b>	<b>1.171.570.830</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.530.694	4.977.905
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>97.248.486</b>	<b>112.253.133</b>

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Hiến

Kế toán trưởng

Lê Thị Kim Loan

Giám đốc



Võ Tấn Minh

50117:  
CÔNG T  
CHÍNH H  
H VỤ T  
HÍNH K  
A KIỂM  
PHIA N  
TP. W



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

## I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ba sa là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Ba Sa theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000292 đăng ký lần đầu ngày 16/4/2007, và đăng ký thay đổi lần thứ hai số 1800465461 ngày 12/05/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 96.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2012 là 96.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 861 Quốc lộ 91, khu vực Thới Thạnh, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

### 3. Ngành nghề kinh doanh:

*Hoạt động chính của Công ty là:* Chế biến và kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy hải sản; Đại lý kỹ gửi hàng hóa; Sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi thủy hải sản.

## II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

#### 2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### 3. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

##### *Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền*

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

## *Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác*

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

## **3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## **3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## **3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	09 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	08 - 10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	05 - 25 năm

## **3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2012*

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

**Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:**

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

**3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí bảo hiểm;
- Chi phí sửa chữa;
- Chi phí kiểm định;
- Lợi thế thương mại;
- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

05/01/13  
CÔNG  
ACH NHIỆM  
CH VỤ T  
HÀNH I  
A KIỂM  
PHIA N  
P.H



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2012*

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2012****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**3.14. Công cụ tài chính*****3.14.1. Tài sản tài chính***

*Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2012*

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán: là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

**3.14.2. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

01172  
CÔNG TY  
NHỮNG  
VỤ TƯ  
KẾ  
KIỂM T  
IA NA  
TP. HỒ



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

**III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	44.851.561	35.644.511
Tiền gửi ngân hàng	52.396.925	76.608.622
Tiền gửi VND	12.531.608	16.808.611
Tiền gửi ngoại tệ	39.865.317	59.800.011
+ Tiền gửi ngoại tệ (USD)	19.836.049	39.143.252
+ Tiền gửi ngoại tệ (EUR)	8.887.832	8.970.551
+ Tiền gửi ngoại tệ (AUD)	11.141.436	11.686.208

**Ghi chú:**

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2012 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2012 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

<b>Tổng cộng</b>	<b>97.248.486</b>	<b>112.253.133</b>
------------------	-------------------	--------------------

**2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	2.585.000
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	2.293.000	2.585.000

Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2012 là:

Thu phí khởi kiện Cty Bảo vệ Đại Hưng 2.293.000

<b>Tổng cộng</b>	<b>2.293.000</b>
------------------	------------------

**3. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	3.348.521.003	4.177.814.446
- Công cụ, dụng cụ	2.415.653.306	3.285.192.793
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
- Thành phẩm	-	5.204.800.954
- Hàng hoá	5.520.513.025	-
- Hàng gửi đi bán	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.284.687.334</b>	<b>12.667.808.193</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2012*

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(75.998.427)	(908.201.142)
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	11.208.688.907	11.759.607.051
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản nợ		
- Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		

**4. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<i>31/12/2012</i>	<i>01/01/2012</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	49.441.545	49.441.545
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	-	-
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
+ Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.441.545</b>	<b>49.441.545</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2012

**5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu năm	13.233.600.000	34.433.903.959	3.204.024.754	1.601.368.726	454.536.615	52.927.434.054
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCN hoàn thành	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	13.233.600.000	34.433.903.959	3.204.024.754	1.601.368.726	454.536.615	52.927.434.054
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	3.488.385.337	12.542.626.211	1.390.974.604	1.079.572.412	272.845.932	18.774.404.496
2. Khấu hao trong kỳ	545.552.004	2.966.520.940	285.690.404	164.747.952	14.498.464	3.977.009.764
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong kỳ	545.552.004	2.966.520.940	285.690.404	164.747.952	14.498.464	3.977.009.764
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	9.707.080	-	-	-	9.707.080
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	9.707.080	-	-	-	9.707.080
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	4.033.937.341	15.499.440.071	1.676.665.008	1.244.320.364	287.344.396	22.741.707.180
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
1. Tại ngày đầu năm	9.745.214.663	21.891.277.748	1.813.050.150	521.796.314	181.690.683	34.153.029.558
2. Tại ngày cuối kỳ	9.199.662.659	18.934.463.888	1.527.359.746	357.048.362	167.192.219	30.185.726.874

Ghi chú: Toàn bộ tài sản cố định hữu hình và vô hình hiện đang thế chấp để vay Ông Võ Tấn Minh.

TP. Cần Thơ  
PHÍA  
KIỂM  
CHÍNH  
H VỤ  
CÔNG  
CHÍNH  
5011



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

**6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCD khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCD vô hình</b>						
1. Số dư đầu năm	35.695.200.000	-	-	-	-	35.695.200.000
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	35.695.200.000	-	-	-	-	35.695.200.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	1.886.199.288	-	-	-	-	1.886.199.288
2. Khấu hao trong kỳ	452.687.829	-	-	-	-	452.687.829
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong kỳ	452.687.829	-	-	-	-	452.687.829
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.338.887.117	-	-	-	-	2.338.887.117
<b>III. Giá trị còn lại của TSCD VH</b>						
1. Tại ngày đầu năm	33.809.000.712	-	-	-	-	33.809.000.712
2. Tại ngày cuối kỳ	33.356.312.883	-	-	-	-	33.356.312.883

*Ghi chú: Toàn bộ tài sản cố định hữu hình và vô hình hiện đang thế chấp để vay Ông Võ Tấn Minh.*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Chi phí XDCB dở dang	51.067.990.588	50.953.351.992
<i>Trong đó: những công trình, hạng mục lớn</i>		
+ Tủ đông IQF (Yantai Moon)	7.210.024.455	7.210.024.455
+ Máy chích cá (tự làm)	26.407.500	26.407.500
+ Máy trộn thức ăn cá	838.800.315	838.800.315
+ Máy ép thức ăn cá	69.460.000	69.460.000
+ Hệ thống lạnh trung tâm	12.765.675.709	12.765.675.709
+ Máy nghiền mịn và máy ép viên nổi	1.747.271.932	1.747.271.932
+ Dây chuyền sản xuất thức ăn cá	155.256.878	155.256.878
+ Hệ thống thiết bị tẩm bột cá	3.185.910.201	3.185.910.201
+ Bồn nhựa tãng trọng cá	73.344.386	73.344.386
+ Máy xay bánh mì	3.939.637	3.939.637
+ Nhà máy Panga - BaSa	15.030.175.068	14.963.182.953
+ Công trình hệ thống xử lý nước thải	2.651.332.838	2.651.333.139
+ Nhà máy thức ăn cá	5.212.687.318	5.181.195.995
+ Nhà ở tập thể	12.090.650	12.090.650
+ Xưởng CBSP giá trị gia tăng	1.436.351.804	1.436.351.804
+ Máy rĩa cá fillet	18.124.080	18.124.080
+ Màn hình vận hành	108.548.201	108.548.201
+ Tủ xử lý nước thải	183.959.125	183.959.125
+ Dây chuyền sản xuất đồ hộp	338.630.491	322.475.031
- Mua sắm tài sản cố định	-	-
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	87.053.687	87.053.687
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.155.044.275</b>	<b>51.040.405.679</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Chi phí bảo hiểm	-	63.579.442
- Chi phí sửa chữa	356.601.740	257.129.394
- Chi phí kiểm định xe	69.571.746	8.549.894
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;	188.782.491	532.883.339
- Lợi thế thương mại	4.456.702.124	5.394.955.124
- Các chi phí khác	198.079.189	499.482.100
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.269.737.290</b>	<b>6.756.579.293</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>9.1. Vay ngắn hạn</b>	<b>89.848.201.000</b>	<b>52.357.200.000</b>
- Vay ngân hàng	3.617.200.000	52.357.200.000
+ Ngân Hàng Á Châu Cần Thơ	-	48.740.000.000
+ Ngân Hàng HSBC	3.617.200.000	3.617.200.000
- Vay đối tượng khác	86.231.001.000	-
+ Ông Võ Tấn Minh	46.231.001.000	-
+ Công ty TNHH Thực Phẩm Phong Dinh	40.000.000.000	-
<b>9.2. Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>89.848.201.000</b>	<b>52.357.200.000</b>

**Ghi chú:**

- Khoản vay Ngân Hàng HSBC là khoản vay đã quá hạn thanh toán.

- Khoản vay Ông Võ Tấn Minh được thế chấp bằng toàn bộ tài sản cố định hữu hình và vô hình.

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>10.1. Thuế phải nộp nhà nước</b>	<b>165.257.052</b>	<b>43.200</b>
- Thuế GTGT	161.257.052	-
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuế đất	-	-
- Các loại thuế khác	4.000.000	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	4.000.000	-
+ Các loại thuế khác	-	-
<b>10.2. Các khoản phải nộp khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>165.257.052</b>	<b>43.200</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
- Chi phí lãi vay	7.396.777.285	1.098.463.944
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.396.777.285</b>	<b>1.098.463.944</b>

**12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- BHYT, BHXH, BHTN	118.043.595	22.390.750
- KPCĐ	34.029.183	28.119.399
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	273.611.745	15.040.586.505
<b>Tổng cộng</b>	<b>425.684.523</b>	<b>15.091.096.654</b>

Chi tiết số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2012 là:

+ Phải nộp phạt vi phạm môi trường	23.000.000
+ Phải nộp tiền thuê đất	117.126.240
+ Ông Hoàng Đức Tri	110.000.000
+ Các đối tượng khác	23.485.505
<b>Tổng cộng</b>	<b>273.611.745</b>

**13. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Ông Võ Tấn Minh cho mượn (không lãi)	-	15.582.180.968
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>15.582.180.968</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

### 14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

#### a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>31/12/2012</u> VND	<u>01/01/2012</u> VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước		
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

#### b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>31/12/2012</u> VND	<u>01/01/2012</u> VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	382.674	
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<u><u>382.674</u></u>	<u><u>-</u></u>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

### 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 15.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	96.000.000.000	-	-	311.916.601	154.251.868	(40.115.857.965)
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	(21.433.241.974)
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu						
- Lợi nhuận tăng trong năm nay						
- Trích từ lợi nhuận năm trước						
- Giảm trong kỳ						
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HDCD						
. Quỹ Đầu tư phát triển						
. Quỹ Dự phòng tài chính						
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi						
. Nguồn vốn đầu tư XDCB						
- Số dư cuối kỳ	96.000.000.000	-	-	311.916.601	154.251.868	(61.549.099.939)

#### 15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	%	Đầu năm	%
Vốn đầu tư của Nhà nước				
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	96.000.000.000	100%	96.000.000.000	100%
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
Cổ phiếu ngân quỹ(*)	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>96.000.000.000</b>	<b>100%</b>

TP. HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN  
KIỂM TOÁN  
VIỆT NAM  
117/09  
28

100% Vốn chủ sở hữu VND



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

### 15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	96.000.000.000	96.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	96.000.000.000	96.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	96.000.000.000	96.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

### 15.4. Cổ phiếu

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.600.000	9.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.600.000	9.600.000
+ Cổ phiếu thường	9.600.000	9.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.600.000	9.600.000
+ Cổ phiếu thường	9.600.000	9.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

### 15.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	311.916.601	311.916.601
- Quỹ dự phòng tài chính	154.251.868	154.251.868
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.536.445	1.381.258

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

#### 15.5.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

#### 15.5.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

- Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2012**Đơn vị tính: VND***15.5.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi:***Quỹ khen thưởng được dùng để:*

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

*Quỹ phúc lợi được dùng để:*

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**16. DOANH THU**

Chỉ tiêu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>16.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Tổng doanh thu	10.570.855.454	19.693.895.967
+ Doanh thu bán hàng hóa	6.816.875.277	19.035.304.746
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.471.015.520	658.591.221
+ Doanh thu bán thành phẩm	234.888.561	
+ Doanh thu khác	1.048.076.096	
- Các khoản giảm trừ doanh thu	9.011.037	-
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	9.011.037	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	-
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
- Doanh thu thuần	10.561.844.417	19.693.895.967
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	6.807.864.240	19.035.304.746
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	2.471.015.520	658.591.221
+ Doanh thu thuần trao đổi thành phẩm	234.888.561	
+ Doanh thu thuần khác	1.048.076.096	
<b>16.2. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	8.699.806	198.065.310
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	817.042	7.850.186
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.352.070	182.815.454
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.530.694	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7.399.650

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã cung cấp	7.908.284.786	23.390.079.213
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.417.561.190	-
- Giá vốn hàng bán khác	738.246.733	-
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.064.092.709</b>	<b>23.390.079.213</b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí lãi vay	11.429.997.965	10.810.383.077
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	735.870	7.944.765
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.430.733.835</b>	<b>10.818.327.842</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VNI
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VNI
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(21.432.859.300)	(22.295.492.061)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	5.629.033	
+ Các khoản điều chỉnh tăng	7.159.727	
<i>Chi phạt chậm nộp BHXH</i>	7.159.727	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(1.530.694)	
<i>CLTG cuối kì</i>	(1.530.694)	
- Tổng thu nhập chịu thuế	(21.427.230.267)	(22.295.492.061)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (25%)	-	-
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

**20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VNI
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	382.674	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>382.674</b>	<b>-</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chỉ tiêu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VNI
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.137.369.424	18.580.893.818
2. Chi phí nhân công	3.885.566.488	3.258.046.272
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	4.429.697.593	4.450.407.721
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.731.896.839	2.424.975.126
5. Chi phí khác bằng tiền	2.662.734.208	2.756.800.916
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.847.264.552</b>	<b>31.471.123.853</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

- Khoản vay Ngân Hàng HSBC là khoản vay đã quá hạn thanh toán và không được tính lãi qua các năm. Theo quyết định thi hành án của Cục trưởng cục thi hành án thành phố Cần Thơ ngày 14/06/2012 buộc Công ty Basa phải trả cho ngân hàng HSBC cả vốn lẫn lãi theo các Tiện ích tín dụng được ký kết giữa hai bên.

- Khoản vay Ông Võ Tấn Minh được thế chấp bằng toàn bộ tài sản cố định hữu hình và vô hình.

**2. Thông tin về hoạt động liên tục:**

Tới thời điểm 31/12/2012, số lỗ lũy kế của Công ty là (61.549.099.939) đồng, vốn góp của Công ty là 96.000.000.000 đồng và toàn bộ tài sản cố định hữu hình và vô hình được thế chấp để vay vốn hoạt động. Ngoài ra, tại ngày 31/12/2012 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 85.049.370.118 VND, là các dấu hiệu về mặt tài chính có thể gây ảnh hưởng đến giả định hoạt động liên tục của Công ty. Phương hướng hoạt động, phát triển của Công ty năm 2013 và những năm tiếp theo sẽ được đưa ra trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sắp tới của Công ty.

**3. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Ông Võ Tấn Minh	Chủ tịch HĐQT	Cho vay tiền	46.231.001.000
Công ty TNHH Thực Phẩm Phong Dinh	Công ty TVHDQT	Cho vay tiền	40.000.000.000

**4. Thông tin về Báo cáo bộ phận:**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán doanh thu bán hàng ở trong nước và xuất khẩu, do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

Năm 2012	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.641.067.934	929.787.520	10.570.855.454
Các khoản giảm trừ doanh thu	9.011.037		9.011.037
Giá vốn hàng bán	11.099.933.509	964.159.200	12.064.092.709
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>(1.467.876.612)</b>	<b>(34.371.680)</b>	<b>(1.502.248.292)</b>

**5. Tài sản và nợ phải tài chính:**

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên Công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ, cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày.

**6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:****a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh ( chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**b. Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**c. Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**d. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:**

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Quá hạn thanh toán	
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
Phải trả cho người bán	2.964.388.611			2.964.388.611
Người mua trả tiền trước				
Vay và nợ	86.231.001.000		3.617.200.000	89.848.201.000
Phải trả người lao động	279.454.608			279.454.608
Chi phí phải trả	7.396.777.285			7.396.777.285
Các khoản phải trả phải nộp khác	425.684.523			425.684.523
<b>Cộng</b>	<b>97.297.306.027</b>	<b>-</b>	<b>3.617.200.000</b>	<b>100.914.506.027</b>

Tại ngày 31/12/2012, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 85.049.370.118 VND. Tuy nhiên, Công ty cho rằng sẽ có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn vì phương hướng hoạt động, phát triển của Công ty năm 2013 và những năm tiếp theo sẽ được đưa ra trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sắp tới của Công ty.

**f. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

**g. Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2012 Công ty có phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tuy nhiên số ngoại tệ này là không đáng kể.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

### *h. Rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

### *l. Độ nhạy của ngoại tệ*

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính là không đáng kể.

### *j. Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

### 7. Số liệu so sánh

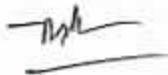
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán.

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Hiền

Lê Thị Kim Loan



Võ Tấn Minh



Xác nhận của đại diện theo pháp  
luật của Công ty



*Võ Liên Minh*

